

THÔNG BÁO
Công khai thông tin cơ sở vật chất của cơ sở giáo dục mầm non
năm học 2022-2023

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	Tổng số phòng	15	Số m ² /trẻ em
II	Loại phòng học		
1	Phòng học kiên cố	15	
2	Phòng học bán kiên cố	0	
3	Phòng học tạm	0	
4	Phòng học nhờ	0	
III	Số điểm trường	1	
IV	Tổng diện tích đất toàn trường (m²)	2.374,4m ²	6,9 m ² /trẻ
V	Tổng diện tích sân chơi (m²)	1.404,4 m ²	4,08m ² /trẻ
VI	Tổng diện tích một số loại phòng		
1	Diện tích phòng sinh hoạt chung (m ²)	975m ²	2,8m ² /trẻ
2	Diện tích phòng ngủ (m ²)		
3	Diện tích phòng vệ sinh (m ²)	242m ²	0,71m ² /trẻ
4	Diện tích hiên chơi (m ²)	531 m ²	1,56m ² /trẻ
5	Diện tích phòng giáo dục thể chất (m ²)	80 m ²	0,31m ² /trẻ (MG)
6	Diện tích phòng giáo dục nghệ thuật hoặc phòng đa chức năng (m ²)	80m ²	0,31m ² /trẻ (MG)
7	Diện tích nhà bếp và kho (m ²)	183m ²	0,53m ² /trẻ
VII	Tổng số thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)		Số bộ/nhóm (lớp)
1	Số bộ thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu hiện có theo quy định	507	12-24 th : 71 25-36 th : 77 3-4 tuổi: 120 4-5 tuổi: 109 5-6 tuổi: 130
2	Số bộ thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu còn thiếu so với quy định	118	12-24 th : 18 25-36 th : 27 3-4 tuổi: 32 4-5 tuổi: 30 5-6 tuổi: 21
VIII	Tổng số đồ chơi ngoài trời	9	
IX	Tổng số thiết bị điện tử-tin học đang được sử dụng phục vụ học tập (máy vi tính, máy chiếu, máy ảnh kỹ thuật số v.v...)	11	
X	Tổng số thiết bị phục vụ giáo dục khác (Liệt kê các thiết bị ngoài danh mục tối thiểu theo quy định)		
1	Tivi	17	

2	Máy cassette	01	
3	Đầu đĩa	02	
4	Loa âm thanh ngoài trời	01	
5	Loa âm thanh trong phòng họp	01	

XI	Nhà vệ sinh	Số lượng(m ²)				
		Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh		Số m ² /trẻ em	
			Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	4	2	1/1	0.2m ² /trẻ	0
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*					

(*Theo Quyết định số 14/2008/QĐ-BGDĐT ngày 07/4/2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Điều lệ Trường mầm non và Thông tư số 27/2011/TT-BYT ngày 24/6/2011 của Bộ Y tế ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nhà tiêu- điều kiện bảo đảm hợp vệ sinh)

		Có	Không
XII	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	x	
XIII	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)	x	
XIV	Kết nối internet	x	
XV	Trang thông tin điện tử (website) của cơ sở giáo dục	x	
XVI	Tường rào xây	x	
..			

Bình Thạnh, ngày 21 tháng 8 năm 2023

Thủ trưởng đơn vị



Phạm Thị Minh Huyền

THÔNG BÁO

**Công khai thông tin về đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên
của cơ sở giáo dục mầm non, năm học 2022-2023**

ST T	Nội dung	Tổng số	Trình độ đào tạo					Hạng chức danh nghề nghiệp			Chuẩn nghề nghiệp				
			TS	ThS	ĐH	CD	T C	Dưới TC	Hạng IV	Hạng III	Hạng II	Tốt	Khá	Đạt	Chưa đạt
	Tổng số giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên	42			24	8	4	5	0	27	4	6	12	14	
I	Giáo viên	30			22	8			0	27	2	4	12	14	
1	Nhà trẻ	8			5	4				6	2	1	2	5	
2	Mẫu giáo	22			17	4			10	10	0	3	10	9	
II	Cán bộ quản lý	2			2						2	2			
1	Hiệu trưởng	1			1						1	1			
2	Phó hiệu trưởng	1			1						1	1			
III	Nhân viên	10			1		4	5							
1	Nhân viên văn thư	1					1								
2	Nhân viên kế toán	1			1										
3	Thủ quỹ														
4	Nhân viên y tế														
5	Nhân viên khác	8					1	7							

Bình Thạnh, ngày 21 tháng 8 năm 2023

Thủ trưởng đơn vị



Phạm Thị Minh Huyền